

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10/12/2025; Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 77/2025/L-CTN ngày 12/12/2025; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đặt ra nhiệm vụ *"tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững"*. Đồng thời, để tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, ngày 24/01/2025, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII đã có Kết luận số 121-KL/TW về tổng kết Nghị quyết số 18-/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII, trong đó đề ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp như: *"Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản còn chồng chéo, bất cập cản trở sự phát triển, khơi thông các điểm nghẽn, tạo ra động lực mới cho phát triển"*; Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật.

1.2. Kết luận 12-KL/TW năm 2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Chỉ thị 27-CT/TW năm 2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Chỉ thị 04-CT/TW năm 2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế; Quy định số 287-QĐ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về thu hồi tài sản do tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được phát hiện qua công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

1.3. Quy định 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ; Quy định 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật

đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; Quy định 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; Quy định 189-QĐ/TW 08/10/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công.

1.4. Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, Luật Thanh tra năm 2025, Luật Tổ chức tòa án nhân dân, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật Cán bộ, công chức năm 2025, Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022, Nghị quyết 168/NQ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ về Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Cơ sở thực tiễn

Sau hơn 8 năm thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng, với những nỗ lực không ngừng nghỉ, công tác phòng, chống tham nhũng đã có những bước tiến quan trọng, mạnh mẽ, với nhiều chủ trương, giải pháp đột phá, đi vào chiều sâu, đạt nhiều kết quả rất tích cực, toàn diện, đồng bộ, được cán bộ, đảng viên và Nhân dân đồng tình, hưởng ứng, đánh giá cao; tham nhũng được kiềm chế, từng bước ngăn chặn và có chiều hướng thuyên giảm. *Công tác phát hiện và xử lý tham nhũng được chỉ đạo và thực hiện bài bản, đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả, tạo bước đột phá trong công tác phòng, chống tham nhũng.* Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng đã phát sinh một số bất cập, hạn chế, cụ thể là:

- Một số chủ trương, chính sách của Đảng về phòng, chống tham nhũng chưa được thể chế hóa kịp thời thành pháp luật. Cơ chế, chính sách, pháp luật còn thiếu đồng bộ, chưa giải quyết triệt để những vấn đề thực tiễn đặt ra; một số quy định của pháp luật chưa theo kịp sự phát triển của xã hội đã bị các đối tượng lợi dụng thực hiện hành vi tham nhũng, che giấu, chuyển hóa, tẩu tán tài sản tham nhũng, gây khó khăn cho công tác phát hiện, xử lý tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng.

- Các quy định về kê khai tài sản, thu nhập chưa đầy đủ, quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập còn có nhiều cách hiểu, thực hiện chưa thống nhất và còn lúng túng, gặp nhiều vướng mắc trong thực hiện, hiệu quả chưa cao.

Xuất phát từ cơ sở chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT PHÒNG CHỐNG THAM NHƯNG (VIẾT TẮT LÀ LUẬT)

1. Mục đích ban hành Luật

Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng nhằm kịp thời thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng về phòng, chống tham nhũng; bảo đảm phù hợp với các của trương, chính sách của Đảng và hệ thống pháp luật về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, thực hiện mô tổ chức hình chính quyền địa phương 02 cấp; khắc phục những hạn chế, bất cập của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

2. Quan điểm xây dựng Luật

- Quán triệt, thể chế hóa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về công tác, phòng, chống tham nhũng; về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; về sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra; về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; về phân cấp, phân quyền, cắt giảm thủ tục hành chính. Trọng tâm của việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng lần này là tiếp hoàn thiện cơ chế phòng ngừa tham nhũng một cách hiệu quả, toàn diện, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho việc phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi tham nhũng.

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của Luật này với Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác có liên quan, bảo đảm tính khả thi; có bước đi phù hợp nhằm nâng cao mức độ tuân thủ các yêu cầu của Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng mà Việt Nam là thành viên.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Luật sửa đổi một số quy định về đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng; ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý; cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; tài sản, thu nhập phải kê khai; hoạt động xác minh tài sản, thu nhập; phát hiện tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán; thẩm quyền của cơ quan thanh tra trong thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng; tiếp nhận và giải quyết phản ánh, tố cáo về hành vi tham nhũng và một số nội dung khác để khắc phục những hạn chế, bất cập trong quá trình tổ chức thi hành.

2. Bố cục của Luật

Luật gồm 2 điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

3. Nội dung cơ bản của Luật

Luật tập trung sửa đổi, bổ sung những vấn đề sau:

Thứ nhất, hoàn thiện các chính sách về các biện pháp phòng ngừa tham nhũng gồm: đánh giá về công tác phòng, chống tham nhũng; cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; kê khai tài sản, thu nhập và xác minh tài sản, thu nhập.

Thứ hai, hoàn thiện các chính sách về phát hiện tham nhũng gồm: thẩm quyền của các cơ quan thanh tra trong thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng; tiếp nhận và xử lý phản ánh, tố cáo về hành vi tham nhũng.

Thứ ba, hoàn thiện chính sách về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập để phòng ngừa tham nhũng.

Thứ tư, thống nhất, đồng bộ kỹ thuật lập pháp, bảo đảm tính khả thi và phù hợp các văn bản pháp luật có liên quan.

Luật đã sửa đổi, hoàn thiện nội dung tại 21/96 điều; sửa kỹ thuật tại 07 điều và bãi bỏ một khoản thuộc một Điều Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018, tập trung vào những nội dung cụ thể như sau:

3.1. Nội dung lược bỏ

Luật bãi bỏ khoản 4 Điều 15 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018;

3.2. Nội dung bổ sung

Luật không bổ sung điều luật mới.

3.3. Những nội dung sửa đổi, hoàn thiện (bao gồm nội dung tại các Điều 3, 8, 15, 16, 17, 28, 30, 31, 33, 34, 35, 36, 40, 41, 42, 43, 44, 51, 65, 86)

(1) Về cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập và việc kê khai tài sản, thu nhập

- Về cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập: để khắc phục khó khăn, vướng mắc khi thực hiện các quy định về cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập tại theo quy định hiện hành, trên cơ sở kế thừa các quy định tại Điều 30 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, thể chế hóa các chủ trương, quy định của Đảng, Luật đã quy định thống nhất, đồng bộ các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, tránh tình trạng không rõ về thẩm quyền, bảo đảm đồng bộ, phù hợp với các quy định của Đảng về kiểm soát tài sản, thu nhập tại Quyết định 56-QĐ/TW, ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị và Quy định số 296-QĐ/TW ngày 30/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. Theo đó, các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập gồm: Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên; Thanh tra Chính phủ; Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội, cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội; Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Về tài sản, thu nhập phải kê khai (Điều 35): Luật sửa cụm từ “nhà ở” thành “*quyền sở hữu nhà ở*” nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Đất đai, Luật Nhà ở; quy định tăng giá trị tài sản kê khai từ “50.000.000” lên

“150.000.000” cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và thời giá hiện nay có nhiều thay đổi so với năm 2018.

- Về căn cứ xác minh tài sản, thu nhập (Điều 41): Luật giao Chính phủ quy định cụ thể việc thực hiện xác minh đối với những người thuộc diện theo kế hoạch hằng năm nhằm khắc phục tình trạng xác minh dàn trải, thiếu trọng tâm, thiếu tính khả thi, hiệu quả hạn chế và các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập không đủ nguồn lực để thực hiện việc xác minh đối với những người thuộc diện theo kế hoạch hằng năm như hiện nay.

- Về trình tự xác minh tài sản, thu nhập (Điều 44): Luật bổ sung quy định giao Chính phủ quy định chi tiết về việc xác minh tài sản, thu nhập đối với những người thuộc diện có nghĩa vụ kê khai hằng năm được lựa chọn ngẫu nhiên (quy định tại điểm d khoản 1 Điều 41) nhằm phân định 02 trình tự, thủ tục xác minh: (i) đối với những trường hợp người có nghĩa vụ kê khai hằng năm được lựa chọn ngẫu nhiên sau khi cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập phát hiện kê khai không trung thực, đầy đủ, rõ ràng hoặc những trường hợp phải xác minh theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 41 thì thực hiện theo trình tự, thủ tục chặt chẽ được quy định tại khoản 1 Điều 44 của dự thảo Luật; (ii) đối với những trường hợp người có nghĩa vụ kê khai hằng năm được lựa chọn ngẫu nhiên sau khi cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập rà soát thấy nội dung không phức tạp, bản kê khai tương đối đầy đủ, rõ ràng thì có thể thực hiện theo trình tự, thủ tục đơn giản, rút gọn hơn so với trình tự, thủ tục thông thường.

Như vậy, với quy định sửa đổi, bổ sung tại Điều 41 và Điều 44 nêu trên, công tác xác minh tài sản, thu nhập bảo đảm tính hiệu quả, khả thi, đơn giản hóa trình tự, thủ tục và cắt giảm được nhiều thủ tục hành chính.

- Về giá trị tài sản, mức thu nhập để theo dõi biến động, xác minh tài sản, thu nhập: dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 31, Điều 40 điểm b khoản 1 Điều 41 quy định tăng giá trị tài sản tài sản, mức thu nhập khi có biến động tăng trong năm từ “300.000.000” lên “1.000.000.000” cho phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay và tạo được sự ổn định trong thời gian dài, đồng thời bảo đảm tính thống nhất với mức tăng giá trị tài sản phải kê khai lên khoảng 3 lần (từ 50.000.000 đồng lên 150.000.000 đồng) như đã thể hiện tại Điều 35. Đồng thời, bổ sung cụm từ “trong năm”, lược bỏ cụm từ “đã kê khai lần liền trước đó” để bảo đảm tính hiệu quả của công tác kiểm soát tài sản, thu nhập, đồng thời bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn thi hành.

- Về việc xử lý đối với người có hành vi kê khai tài sản, thu nhập không trung thực: Luật sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 51 cho phù hợp với các quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và quy định của Đảng về xử lý đảng viên vi phạm.

(2) *Về đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng (Điều 17):* Sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định chung về các nội dung đánh giá cho phù hợp với chức năng quản lý nhà nước của các bộ, ngành, địa phương; việc đánh giá theo các tiêu chí được thực hiện theo quy định của Chính phủ nhằm bảo đảm tính chủ động và

tính chịu trách nhiệm của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác phòng, chống tham nhũng.

(3) *Về chuyển đổi số trong công tác phòng, chống tham nhũng*: Thê chế hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó yêu cầu: “*Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh*”, Luật đã sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 28 về ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý, cụ thể là:

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tăng cường đầu tư trang thiết bị, nâng cao năng lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình nhằm phòng, chống tham nhũng.

- Các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm đẩy mạnh xây dựng và vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi trách nhiệm của mình; kết nối, tích hợp, chia sẻ đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia, bảo đảm liên thông, an toàn thông tin; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số theo quy định của pháp luật.

(4) *Về thẩm quyền thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng*

Để quy định rõ thẩm quyền cơ quan thanh tra trong công tác thanh tra đối với vụ việc có dấu hiệu tham nhũng phù hợp với Luật Thanh tra năm 2025 và mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, Luật quy định: Thanh tra Chính phủ thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng tại bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cơ quan, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ hoạt động; doanh nghiệp nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ quản lý theo quy định của Luật Thanh tra; Thanh tra Bộ Quốc phòng, Thanh tra Bộ Công an, Thanh tra Ngân hàng nhà nước thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng do người công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của mình thực hiện.

Bên cạnh đó, trong công tác thanh tra đối với vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, ngoài việc tuân thủ quy định của Luật Thanh tra, Luật bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 61 giao Chính phủ quy định rõ nguyên tắc, thẩm quyền, nội dung hoạt động thanh tra đối với vụ việc có dấu hiệu tham nhũng nhằm đẩy mạnh công tác thanh tra trong phòng, chống tham nhũng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

(5) *Về xử lý phản ánh, tố cáo về tham nhũng*: Luật sửa đổi quy định về phản ánh, tố cáo và xử lý phản ánh, giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng (Điều 65): Để bảo đảm việc tiếp nhận, phân loại, xử lý phản ánh, tố cáo về hành vi tham nhũng được hiệu quả, đáp ứng yêu cầu công tác phòng, chống tham nhũng, khắc

phục tồn tại, hạn chế hiện nay trong việc tiếp nhận và giải quyết tố cáo, dự thảo Luật quy định nguyên tắc chung về giải quyết phản ánh, tố cáo, còn về những nội dung cụ thể giao cho Chính phủ quy định.

(6) *Những nội dung khác*: Ngoài những nội dung chính nêu trên, Luật còn sửa đổi, bổ sung các quy định về báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng (khoản 4 Điều 16); về yêu cầu xác minh tài sản, thu nhập đối với người dự kiến được bầu hoặc đề nghị phê chuẩn chức vụ (điểm e khoản 1 Điều 42).

3.4. Những nội dung sửa kỹ thuật (bao gồm nội dung tại các điều 7, 16, 46, 49, 50, 78, và 81)

- Thay thế cụm từ “Ủy ban Tư pháp của Quốc hội” bằng cụm từ “Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội” tại khoản 3 Điều 7 để phù hợp với cơ cấu tổ chức của Quốc hội theo quy định tại Nghị quyết số 178/2025/QH15 ngày 18/02/2025 của Quốc hội.

- Thay thế cụm từ “Thanh tra Bộ” bằng cụm từ “Thanh tra Bộ Quốc phòng, Thanh tra Bộ Công an, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước” tại khoản 2 Điều 60; khoản 1 Điều 81 cho phù hợp với quy định của Luật Thanh tra năm 2025.

- Bổ sung cụm từ “tổ chức, cá nhân có thẩm quyền” trước cụm từ “người ra quyết định xác minh” tại điểm đ khoản 2 Điều 46; khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 49; khoản 1 Điều 50 cho phù hợp với các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập của Đảng cộng sản Việt Nam.

- Bỏ cụm từ “, Tòa án nhân dân cấp huyện”, “, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện” và thay cụm từ “cùng cấp” thành cụm từ “cấp tỉnh” tại khoản 3 Điều 16 cho phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, Luật Thanh tra năm 2025, Luật Tổ chức tòa án nhân dân, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân.

- Bỏ cụm từ “Khuyến khích” tại khoản 2 Điều 78 nhằm quy định các chủ thể trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước phải thực hiện một cách chủ động các biện pháp phòng ngừa tham nhũng.

- Bỏ cụm từ “các điều 3, 20, 30, 34, 39 và 61 của Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14” tại khoản 3 Điều 217 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 (quy định “doanh nghiệp nhà nước” trong các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”).

3.5. Nội dung cắt giảm thủ tục hành chính

Luật có 02 nội dung cắt giảm thủ tục hành chính, cụ thể là:

- Quy định sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 41 và khoản 2 Điều 44 đã làm cho công tác xác minh tài sản, thu nhập được đơn giản hóa về trình tự, thủ tục và cắt giảm được nhiều thủ tục hành chính (do không phải tiến hành xác minh tài sản, thu nhập với đầy đủ trình tự, tục trong mọi trường hợp như Luật hiện hành).

- Quy định giao cho các bộ, ngành, địa phương chủ động và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá về công tác phòng, chống tham nhũng của bộ, ngành,

địa phương mình (Thanh tra Chính phủ không đánh giá lại kết quả của các bộ, ngành, địa phương như trước đây).

Do đó, cùng với việc không còn tổ chức cấp huyện và sắp xếp tổ chức bộ máy, góp phần cắt giảm khoảng 35% số lượng thủ tục hành chính trong công tác phòng, chống tham nhũng.

3.6. Nội dung phân quyền, phân cấp

Luật có 02 nội dung phân quyền, cụ thể là:

- Phân quyền cho các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh tự đánh giá về công tác phòng, chống tham nhũng tại khoản 2 Điều 17 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018.

- Phân quyền kiểm soát tài sản, thu nhập đối với những người thuộc thẩm quyền quản lý của chính quyền địa phương: Thanh tra Chính phủ sẽ không kiểm soát tài sản thu nhập của người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương của chính quyền địa phương mà nhiệm vụ này thuộc thẩm quyền của Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy và Thanh tra tỉnh (Điều 30 Luật phòng chống tham nhũng năm 2018)/.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng, UBKT, VP - Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- UBMTTQ&TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh; Đoàn Luật sư tỉnh;
- Các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh;
- Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: VT, PNV1 (ĐXDũng).

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG